

Bản án số: 29/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 26-3-2024
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kiều Công Trường
2. Ông Nguyễn Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoàng Nhân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 238/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Bảo T**, sinh năm 1991; Nơi cư trú: ấp An Bình, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: **Anh Lê Thanh N**, sinh năm 1988; Nơi cư trú: ấp Kinh Gãy, xã Phú Mỹ, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Chị T có đơn xin vắng mặt, anh N có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/11/2023, bản tự khai cũng như trong quá trình tố tụng chị Nguyễn Thị Bảo T trình bày:

Chị và anh N do quen biết tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 17/4/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có với nhau 01 con chung tên Lê Thanh Trúc L, sinh ngày 02/5/2016. Đến năm 2022 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã ly thân từ 2022 cho đến nay. Nay

chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn đối với anh N.

Về con chung: Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

Theo đơn yêu cầu phản tố ngày 10/01/2024, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa anh Lê Thanh N trình bày:

Anh thống nhất với chị T về điều kiện kết hôn, hoàn cảnh tiến đến hôn nhân, thời gian ly thân cũng như con chung và nợ chung. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh có 01 đôi bông tai hột xoàn, 01 cặp nhẫn, 01 lắc tay, 01 dây chuyền, 01 mặt mè đay và 01 vòng đeo cổ ngày 10/01/2024 anh có yêu cầu phản tố chia đôi số tài sản trên nhưng ngày 13/3/2014 anh xin rút lại đơn phản tố để vợ chồng anh tự thỏa thuận, sau này không thỏa thuận được anh sẽ khởi kiện vụ án khác. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị T anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: anh đồng ý ly hôn với chị T

Về con chung: Sau khi ly hôn nếu con chung có nguyện vọng theo anh thì anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Nếu con có nguyện vọng sống chung với chị T thì anh cũng đồng ý để chị T nuôi, nhưng chị T phải cho anh được đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận

Về nợ chung: không có

Theo biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 05/12/2023 cháu Lê Thanh Trúc L trình bày: Hiện cháu đang sống chung với mẹ tại ấp An Bình, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Cày Bắc phát biểu quan điểm cho rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

Đình chỉ yêu cầu phản tố về việc của anh N về việc yêu cầu chia tài sản chung.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh N cụ thể:

+ Về hôn nhân: chị T và anh N được ly hôn với nhau.

+ Về con chung: Sau khi ly hôn chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thanh Trúc L, sinh ngày 02/5/2016, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: tự thỏa thuận

+ Về nợ chung: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 14/11/2023 của chị Nguyễn Thị Bảo T đối với anh Lê Thanh N thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Anh Lê Thanh N có nơi cư trú tại xã Phú Mỹ, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T là phù hợp.

Ngày 13/3/2024 anh Lê Thanh N xin rút đơn yêu cầu phản tố về việc yêu cầu chia tài sản chung. Xét thấy, việc rút yêu cầu phản tố của anh bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218 và khoản 2 Điều 219 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu phản tố của anh Lê Thanh N về việc yêu cầu chia tài sản chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Bảo T và anh Lê Thanh N tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 17/4/2015 tại UBND xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh chị cũng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh N đồng ý nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh N là phù hợp.

2.2. Về con chung:

Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị Bảo T và anh Lê Thanh N có 01 con chung tên Lê Thanh Trúc L, sinh ngày 02/5/2016. Chị T và anh N đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng: về điều kiện kinh tế thì cả anh N và chị T đều có đủ điều kiện để nuôi cháu L, tuy nhiên từ khi ly thân cho đến nay cháu L sống với chị T, chị T cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cháu L cũng có nguyện vọng sống chung với chị T. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của cháu L không bị thay đổi, không làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu, Hội đồng xét xử thấy rằng nên giao cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung: chị T và anh N tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Chị T và anh N khai không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Bảo T phải có nghĩa vụ nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 219 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Đình chỉ yêu cầu phân tố của anh Lê Thanh N về việc yêu cầu chia tài sản chung.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bảo T đối với anh Lê Thanh N, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Bảo T và anh Lê Thanh N được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị Bảo T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thanh Trúc L, sinh ngày 02/5/2016, anh Lê Thanh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh Lê Thanh N được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3 Về tài sản chung: Chị T và anh N tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị T và anh N khai không có nên không xem xét giải quyết

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Bảo T có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002339 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả cho anh Lê Thanh N số tiền tạm ứng án phí là 2.448.000 đồng theo

biên lai thu số 0003025 ngày 12/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Bắc (1b);
- UBND xã An Hiệp(1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kiều Công Trường Nguyễn Thanh Hùng

Nguyễn Thị Hồng Diễm
